TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/LĐ-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v: Tranh chấp về phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Ông Nguyễn Văn Thảo.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 16/2023/TLST-LĐ ngày 25/4/2023 về việc: "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST–LĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 2, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984; địa chỉ: 113 Phan Bội Châu, Tổ 72, Khu 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023). Có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH E; địa chỉ: Thửa đất 446, 459 tờ bản đồ số 40 đường Khánh Bình 65, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Tằng Cắm Cú – Chức danh Tổng Giám đốc; bà Sằm Ngọc L, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2023). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Văn T là người lao động làm việc tại Công ty TNHH E, thử việc từ ngày 15/4/2022, đến ngày 30/7/2022 giao kết hợp đồng lao động số MN0048, thời

hạn 01 năm, vị trí công việc là thợ điện với mức lương cơ bản là 5.200.000 đồng/tháng.

Đến ngày 29/11/2022 công ty thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông T sau 30 ngày kể từ ngày 29/11/2022 với lý do là *"trong thời gian làm việc ông Lê Văn T nhiều lần không hoàn thành công việc do cấp trên giao. Có thái độ không hợp tác trong công việc"*, đến ngày 29/12/2022 công ty ra quyết định MN0048/QĐTV về việc chấm dứt hợp đồng lao động.

Nguyên đơn cho rằng quyết định số MN0048/QĐTV cho nghỉ việc từ ngày 29/12/2022 là trái pháp luật vì hoàn toàn không đúng sự thật, vi phạm quy định tại Điều 36 Bộ luật lao động 2019. Theo điểm a, khoản 1, Điều 36 Bộ luật lao động 2019, người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt người lao động khi *"Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc do người sử dụng lao động ban hành nhưng phải tham khảo ý kiến tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở".* Công ty không có quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc, không chứng minh nguyên đơn không hoàn thành công việc như thế nào, không có biên bản đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nguyên đơn. Công ty đưa ra lý do chấm dứt hợp đồng lao động là hoàn toàn chủ quan, tự quyết định của công ty. Nguyên đơn khẳng định đây là quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 39 Bộ luật lao động 2019, đồng thời yêu cầu:

- Buộc Công ty TNHH E bồi thường thiệt hại 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 8.469.000 đồng/tháng x 2 tháng = 16.938.000 đồng;

- Buộc Công ty TNHH E bồi thường thiệt hại cho những ngày không được làm việc từ ngày 29/12/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử: 8.469.000 đồng/tháng x 6 tháng = 50.814.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH E nhận nguyên đơn quay trở lại làm việc. Trường hợp Công ty TNHH E không muốn nhận nguyên đơn quay trở lại làm việc thì bồi thường 2 tháng tiền lương: 8.469.000 đồng/tháng x 2 tháng = 16.938.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH E đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày nguyên đơn không được làm việc tính từ 01/01/2023 đến 31/3/2023, với mức lương tham gia bảo hiểm xã hội là 5.200.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty TNHH E nhận nguyên đơn quay trở lại làm việc, lý do ông Lê Văn T đã tìm được công việc mới.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ngày 01/8/2022 Công ty TNHH E có ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm với ông Lê Văn T, nghề nghiệp tuyển dụng là thợ điện với mức lương là

5.200.000 đồng. Ông T làm việc từ ngày 01/8/2022, đến ngày 29/11/2022 Công ty có thông báo cho ông T nghỉ việc và đến 30 ngày sau tức vào ngày 30/12/2022 Công ty ký quyết định cho ông T thôi việc. Lý do cho thôi việc là do ông T không hoàn thành công việc do cấp trên giao, có thái độ không hợp tác trong công việc. Công ty đã đóng và chốt sổ bảo hiểm cho ông T đến ngày 30/12/2022 và thanh toán các chế độ, tiền lương đến ngày 30/12/2022 cho ông T. Quá trình làm việc, ông T có vi phạm về việc không hoàn thành công việc, có thái độ không hợp tác nhưng Công ty chỉ nhắc nhở không lập biên bản sự việc. Trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì Công ty xác định Công ty cho T nghỉ việc theo đúng quy định của pháp luật lao động, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, trường hợp ông T rút đơn kiện thì đồng ý hỗ trợ khoản tiền tương đương 02 tháng lương theo hợp đồng là 5.200.000 đồng x 02 tháng = 10.400.000 đồng. Trường hợp ông T không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần rút yêu cầu này. Đối với các yêu cầu khác là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn cho rằng bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, yêu cầu bị đơn phải bồi thường, bị đơn có trụ sở tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ tranh chấp là tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ lao động xác lập, thực hiện giữa các bên: Căn cứ nội dung Hợp đồng lao động số MN0048/HĐLĐ ngày 30/7/2022 do bị đơn cung cấp, trình bày của các đương sự, có căn cứ xác định: Ngày 01/8/2022 Công ty TNHH E có ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm với ông Lê Văn T, nghề nghiệp tuyển dụng là thợ điện với mức lương cơ bản là 5.200.000 đồng/tháng. Ông T làm việc từ ngày 01/8/2022, đến ngày 29/11/2022 Công ty có thông báo cho ông T nghỉ việc và đến 30 ngày sau tức vào ngày 30/12/2022 Công ty ký quyết định cho ông T thôi việc. Công ty đã đóng và chốt sổ bảo hiểm cho ông T đến ngày 30/12/2022 và thanh toán các chế độ, tiền lương đến ngày 30/12/2022 cho ông T.

[3] Về căn cứ cho thôi việc: Bị đơn Công ty TNHH E cho ông Lê Văn T thôi việc với lý do "*trong thời gian làm việc ông Lê Văn T nhiều lần không hoàn thành công việc do cấp trên giao, có thái độ không hợp tác trong công việc"*. Nội dung Thông báo về việc kỷ luật nhân viên số 01-TB/2022 ngày 26/11/2022 thể hiện:

"*Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 26/11/2022, ông Lê Văn T đã không hoàn thành công việc được giao cụ thể là ông Lê Văn T ra về mà không tắt hệ thống bơm nước của nhà máy*". Theo điểm a khoản 1 Điều 36 của Bộ Luật lao động năm 2019 quy định "*Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc do người sử dụng lao động ban hành nhưng phải tham khảo ý kiến tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở*". Trường hợp ông Lê Văn T có vi phạm như tại Thông báo về việc kỷ luật nhân viên số 01-TB/2022 ngày 26/11/2022 nêu trên nhưng ngoài lần vi phạm này, Công ty TNHH E không còn tài liệu, chứng cứ nào khác xác định ông Lê Văn T thường xuyên vi phạm, Công ty TNHH E cũng không ban hành quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động thì việc Công ty TNHH E cho ông Lê Văn T thôi việc là không phù hợp. Mặt khác, căn cứ cho thôi việc của Công ty TNHH E đối với ông Lê Văn T cũng mâu thuẫn với nội dung các phiếu lương tháng 10, 11 năm 2022 do Công ty TNHH E giao nộp, bởi lẽ tại mục tiền thưởng hoàn thành công việc của tháng 10 là 2.885.000 đồng, tiền thưởng hoàn thành công việc của tháng 11 là 1.923.000 đồng. Do đó, Công ty TNHH E cho ông Lê Văn T thôi việc với lý do "*trong thời gian làm việc ông Lê Văn T nhiều lần không hoàn thành công việc do cấp trên giao, có thái độ không hợp tác trong công việc*" là không có cơ sở, trái pháp luật.

[4] Công ty TNHH E đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải bồi thường cho người lao động theo quy định tại Điều 41 của Bộ Luật lao động năm 2019. Do đó, ngoài việc phải trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày người lao động không được làm việc, bị đơn còn bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Đối chiếu các phiếu lương thực lãnh của ông Lê Văn T, mức lương tháng làm cơ sở yêu cầu của nguyên đơn là 8.469.000 đồng/tháng (gồm lương cơ bản 5.200.000 đồng, phụ cấp kỹ thuật 1.442.000 đồng, phụ cấp chức vụ 1.635.000 đồng và hỗ trợ nhà ở 192.000 đồng) là phù hợp. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty TNHH E phải nhận ông Lê Văn T quay trở lại làm việc là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên cần xem xét đình chỉ.

[5] Từ những đánh giá, nhận định như trên, xét thấy nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 10, Điều 36, Điều 37 và Điều 41 của Bộ luật Lao động;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T đối với bị đơn Công ty TNHH E về "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động":

- Buộc Công ty TNHH E bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 8.469.000 đồng/tháng x 2 = 16.938.000 đồng;

- Buộc Công ty TNHH E phải thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc (thời gian 06 tháng): 8.469.000 đồng/tháng x 6 tháng = 50.814.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH E phải trả cho ông Lê Văn T là 67.752.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Buộc Công ty TNHH E và ông Lê Văn T đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội với mức lương đóng bảo hiểm là 5.200.000 đồng, thời gian từ 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023.

Bảo hiểm xã hội thành phố Tân Uyên truy thu tiền bảo hiểm xã hội từ Công ty TNHH E và ông Lê Văn T, chốt sổ Bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T đối với bị đơn Công ty TNHH E về việc: Buộc Công ty TNHH E nhận nguyên đơn quay trở lại làm việc.

3. Về án phí:

Bị đơn Công ty TNHH E phải nộp 2.032.560 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Hưởng